



Bài tập:  
Sắp xếp câu  
(thêm dấu câu):

(1) 想 我 下雨 今天 会  
xiǎng wǒ xià yǔ jīntiān huì

(2) 个 想 我 换 工作  
gè xiǎng wǒ huàn gōngzuò

(3) 干 他 什么 想  
gàn tā shénme xiǎng

(4) 一杯 喝 想 不 你 想  
yìbēi hē xiǎng bù nǐ xiǎng